

Số: 36/NQ-HĐND

Cẩm Lĩnh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CẨM LĨNH
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ số liệu phân bổ dự toán giao thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 của HĐND huyện cho xã Cẩm Lĩnh;

Sau khi xem xét Tờ trình số 358/TTr-UBND, ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã Cẩm Lĩnh về việc xin phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của quý vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 như sau:

I - Tổng thu ngân sách:	11.560.528.000	đồng
Trong đó:		
1. Các khoản thu xã hưởng 100%:	171.100.000	đồng
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %:	6.212.610.000	đồng
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	5.176.818.000	đồng
(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)		
II - Tổng chi ngân sách:	11.560.528.000	đồng
Trong đó:		
1. Chi đầu tư phát triển:	5.850.000.000	đồng

2. Chi thường xuyên:	5.563.017.000	đồng
3. Chi dự phòng ngân sách:	147.511.000	đồng

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện và điều hành thu, chi ngân sách như Ủy ban nhân dân xã đã trình bày, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

Tăng cường công tác thu ngân sách trên các lĩnh vực, kiểm tra và thực hiện tốt Luật quản lý thuế, pháp lệnh về phí và lệ phí. Thực hiện đảm bảo các nguồn thu theo dự toán đã đề ra.

Thực hiện quản lý và điều hành chi ngân sách phải đảm bảo đúng luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình điều hành ngân sách nếu có biến động thì Ủy ban nhân dân xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân xã để quyết định điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận :

- TT HĐND, UBND huyện (Báo cáo);
- Kho bạc huyện, Phòng TCKH huyện;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XX;
- Các ban ngành liên quan;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hựu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CẨM LĨNH



(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN HUYỆN GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ GIAO		Ghi chú
			THU NSNN	THU NS XÃ	
I	CÁC KHOẢN THU XÃ HƯỞNG 100%	171.100.000	171.100.000	171.100.000	
1	Thu phí, lệ phí	31.100.000	31.100.000	31.100.000	
2	Thu khác tại xã	140.000.000	140.000.000	140.000.000	
II	CÁC KHOẢN THU THEO TỈ LỆ %	13.094.700.000	14.094.700.000	6.212.610.000	
1	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	12.000.000.000	13.000.000.000	5.850.000.000	
2	Thu thuế nhà đất (Phi nông nghiệp)	2.000.000	2.000.000	2.000.000	
3	Thu thuế ngoài quốc doanh	220.400.000	220.400.000	65.280.000	
4	Thu phí trước bạ	80.000.000	80.000.000	64.000.000	
5	Thuế thu nhập cá nhân	21.200.000	21.200.000		
7	Chi tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	771.100.000	771.100.000	231.330.000	
III	THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	5.176.818.000	5.176.818.000	5.176.818.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.176.818.000	5.176.818.000	5.176.818.000	
	Tổng cộng	18.442.618.000	19.442.618.000	11.560.528.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã)

TT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
	Tổng chi	11.560.528.000	
A	Chi đầu tư phát triển	5.850.000.000	
1	Chi trả đối ứng xi măng XD đường giao thông, kênh, rãnh thoát nước năm 2022 (Trừ trợ cấp cân đối NS)	400.000.000	
2	Chi đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản, duy tu bảo dưỡng công trình, quy hoạch đất.	207.811.500	
3	Bố trí nguồn chi bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực đấu giá lõi 2 vùng Con Bóm	972.188.500	
4	Chi trả nợ các cơ chế hỗ trợ trong XDNTM theo NQ HĐND xã đã ban hành (nợ 2022 trở về trước)	170.000.000	
5	Hỗ trợ trong XDNTM theo NQHĐND xã năm 2023	500.000.000	
6	Chi trả nợ công trình tầng 2 + mái trường Mầm non	100.000.000	
7	Chi trả nợ công trình nhà làm việc 3 tầng UBND xã	100.000.000	
8	Chi trả nợ công trình tầng 1 nhà học 8 lớp 2 tầng trường Mầm non xã Cẩm Lĩnh	100.000.000	
9	Chi trả nợ công trình cải tạo nhà học 6 phòng 2 tầng trường tiểu học xã Cẩm Lĩnh	100.000.000	
10	Chi trả nợ công trình kênh mương nội đồng tuyến thôn 3 thôn 4 năm 2022	100.000.000	
11	Chi trả nợ công trình XD đường giao thông, rãnh thoát nước khu hạ tầng thôn 3 xã Cẩm Lĩnh	600.000.000	
12	Chi trả nợ các ca máy giải tỏa hành lang giao thông	300.000.000	
13	Chi trả nợ các công trình và các khoản khác	550.000.000	
14	Công trình Nâng cấp, cải tạo sân, mương thoát nước, bồn hoa hàng rào và công khuôn viên ủy ban xã Cẩm Lĩnh	300.000.000	
15	Chi XD đường điện thấp sáng đoạn cầu Trung lĩnh đến đường 15 B	400.000.000	
16	Chi đầu tư đường GT NT thôn 4 đường trục chính đi cầu khe	100.000.000	
17	Đường quán Mận Thường điểm đầu QL 15B điểm cuối cổng chào thôn 1	100.000.000	
18	Nhà đa hiệu bộ trường tiểu học	500.000.000	
19	Xd đường giao thông thôn 1, thôn 2 (tuyến 1: nhà bà Ria, điểm đầu nối đường bê tông đi thôn 1 điểm cuối đường bê tông ngõ xóm thôn 2)	250.000.000	
B	Chi thường xuyên	5.563.017.000	
I	Chi sự nghiệp kinh tế, nông, lâm, nghiệp	690.290.000	
1	Chi sự nghiệp giao thông	69.842.300	
2	Chi sự nghiệp thủy lợi	438.025.000	
3	Chi phục vụ nông, lâm, nghiệp, thú y	72.422.700	
4	Chi sự nghiệp kinh tế khác	110.000.000	
II	Chi Quốc phòng	393.342.700	
1	Chi lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ chỉ huy trưởng quân sự	66.103.000	
2	Chi lương, phụ cấp, BHXH, BHYT chỉ huy phó quân sự	22.350.000	
3	Chi phụ cấp thâm niên, CTV, A trưởng...	80.417.000	
4	Chi phụ cấp thôn đội trưởng	53.640.000	
5	Chi hoạt động quốc phòng, huấn luyện quân sự.	170.832.700	

III	Chi an ninh	107.640.000
1	Chi phụ cấp công an viên	53.640.000
2	Chi hoạt động An ninh	54.000.000
IV	Chi sự nghiệp VH TT-TD TT, tuyên truyền	148.500.000
1	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT đài truyền thanh, công nghệ TT, trang TTĐT	45.951.600
2	Chi sự nghiệp VH TT	25.000.000
3	Chi hoạt động TD TT	35.000.000
4	Chi hoạt động tuyên truyền, đài truyền thanh	42.548.400
V	Chi hoạt động xã hội	328.385.000
1	Trả PC cán bộ Nghị định 130+111	255.944.800
2	Chi trả trợ cấp thường xuyên TNXP	15.840.000
3	Chi phí hoạt động BHXH	56.600.200
VI	Chi quản lý NN, Đảng đoàn thể, các tổ chức	3.797.861.300
1	Chi quản lý Nhà nước	2.306.223.100
1.1	Trả lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ cán bộ, công chức QLNN xã	1.161.200.000
1.2	Trả phụ cấp, BHXH, BHYT cán bộ BCT xã, hợp đồng	123.927.100
1.3	Chi trả phụ cấp các đoàn thể ở thôn	130.000.000
1.4	Phụ cấp Hội đồng nhân dân	107.280.000
1.5	Chi trả phụ cấp thôn trưởng	159.132.000
1.6	Chi hỗ trợ cán bộ giao dịch một cửa, đầu mối thủ tục hành chính, phụ trách tiếp dân đơn thư tố cáo,	19.200.000
1.7	Chi phụ cấp trưởng phó các ban HĐND xã	16.092.000
1.8	Kinh phí hoạt động HĐND, các chế độ theo NQ82 HĐND tỉnh	73.908.000
1.9	Chi quà lễ tết các ban ngành	135.000.000
1.10	Chi phí đào tạo tập huấn	20.000.000
1.11	Chi mua dụng cụ VP, VPP, phô tô	57.484.000
1.12	Chi hoạt động chính quyền	30.000.000
1.13	Chi nâng cấp, tu sửa TX các tài sản nhỏ.	20.000.000
1.14	Chi thanh toán tiền điện, nước	48.000.000
1.15	Chi chuyển trả tiền báo	25.000.000
1.16	Chi phí thuê mướn	10.000.000
1.17	Chi thanh toán tiền mạng, điện thoại	20.000.000
1.18	Kinh phí thi đua khen thưởng	30.000.000
1.19	Chi thăm hỏi công dân, chi công tác XD GN	20.000.000
1.20	Chi hoạt động xây dựng nông thôn mới	20.000.000
1.21	Chi phổ biến tuyên truyền PL, tiếp dân.	25.000.000
1.22	Chi công tác cải cách hành chính, ISO	30.000.000
1.23	Chi công tác văn thư lưu trữ	10.000.000
1.24	Chi hoạt động ban vì tiến bộ phụ nữ	5.000.000
1.25	Đại hội công đoàn xã nhiệm kỳ 2023-2028	10.000.000
2	Chi hoạt động Đảng	567.388.000
2.1	Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ CB Đảng	212.400.000
2.2	Phụ cấp cấp uỷ	69.732.000
2.3	Phụ cấp UB kiểm tra đảng uỷ	10.728.000

TT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
2.4	Chi trả phụ cấp bí thư chi bộ, trưởng tiêu ban MT	189.528.000	
2.5	Chi hoạt động Đảng theo QĐ 99	85.000.000	
3	Chi hoạt động Mặt trận Tổ quốc	199.144.000	
3.1	Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ chủ tịch MTTQ	110.900.000	
3.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT PCT MTTQ	23.244.000	
3.3	Chi hoạt động MT	30.000.000	
3.4	Kinh phí hoạt động khu dân cư	30.000.000	
3.5	Chi hoạt động giám sát cộng đồng	5.000.000	
4	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	143.048.000	
4.1	Chi lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ bí thư đoàn TN	88.804.000	
4.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT phó bí thư đoàn	23.244.000	
4.3	Hoạt động đoàn thanh, thiếu niên	16.000.000	
4.4	Chi quà tết trung thu, ngày QT thiếu nhi 01/6	15.000.000	
5	Chi hoạt động Hội phụ nữ	145.751.000	
5.1	Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ chủ tịch PN	106.507.000	
5.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT phó CT phụ nữ	23.244.000	
5.3	Hoạt động Hội LHPN xã	16.000.000	
6	Chi hoạt động Hội nông dân	158.695.000	
6.1	Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ chủ tịch hội nông dân	79.451.000	
6.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT phó CT nông dân	23.244.000	
6.3	Hoạt động Hội nông dân	16.000.000	
6.4	Chi đại hội nông dân nhiệm kỳ 2023-2028	40.000.000	
7	Chi hoạt động Hội cựu chiến binh	137.400.000	
7.1	Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ chủ tịch CCB	98.156.000	
7.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT phó CT CCB	23.244.000	
7.3	Hoạt động Hội CCB	16.000.000	
8	Chi hoạt động các tổ chức chính trị khác	73.028.200	
8.1	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT người cao tuổi	10.459.800	
8.2	Chi phụ cấp, BHXH, BHYT CT hội chữ thập đỏ - người khuyết tật BHXH, CT hội khuyến học	25.568.400	
8.3	Hoạt động thanh tra nhân dân	5.000.000	
8.4	Chi hoạt động hội chữ thập đỏ.	5.000.000	
8.5	Chi hoạt động hội người cao tuổi	4.000.000	
8.6	Chi hoạt động TNXP	3.000.000	
8.7	Chi tổ chức mừng thọ	15.000.000	
8.8	Chi hoạt động hội khuyến học, trung tâm học tập cộng đồng	5.000.000	
9	Chi sự nghiệp Giáo dục	25.000.000	
9.1	Chi hoạt động ngành giáo dục	25.000.000	
10	Chi sự nghiệp Y tế dân số	42.184.000	
10.1	Chi hoạt động thường xuyên y tế, DS GD và trẻ em	10.000.000	
10.2	Chi trả phụ cấp cán bộ y tế thôn	32.184.000	
VII	Chi sự nghiệp môi trường (vận chuyển rác thải)	45.000.000	
VIII	Chi khác ngân sách	51.998.000	
C	Chi dự phòng ngân sách	147.511.000	